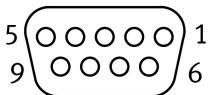


Cáp kết nối KMP4-9P-10-PUR

Số bộ phận: 193015

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Dựa trên tiêu chuẩn	DIN 41652
Tên cáp	với phụ kiện
tần số kết nối	50
trọng lượng sản phẩm	723 g
Cổng nối điện 1, chức năng	Phía thiết bị hiện trường
Cổng nối điện 1, thiết kế	góc
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Ổ cắm
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	được kê góc
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Sub-D
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	9
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	9
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	2x vít M3
Cổng nối điện 2, chức năng	Phía điều khiển
Cổng nối điện 2, kiểu kết nối	Cáp
Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	đầu mở
Cổng nối điện 2, số cực/dây	10
Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng	9
Dải điện áp hoạt động DC	0 V...30 V
Điện áp hoạt động danh định DC	24 V
Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C	3 A
Độ chịu điện áp xung	1 KV
Chiều dài cáp	10 m
Đặc điểm dây dẫn	thích hợp cho máng xích
Dòng điều kiện kiểm tra	Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu
Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định	23 mm
Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển	37 mm
Đường kính cáp	7 mm
Dung sai đường kính cáp	± 0,4 mm
Cấu tạo cáp	10 x 0,25 mm ²
Mặt cắt danh định của dây dẫn	0.25 mm ²
Đầu dây	cắt cùn

Đặc tính	Giá trị
Mức độ bảo vệ	IP65
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-40 °C...70 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	-40 °C...70 °C
Nhiệt độ bảo quản	-25 °C...75 °C
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo các quy định UK RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
mức độ ô nhiễm	3
Vật liệu vỏ bọc cáp	TPE-U(PUR)
Màu vỏ cáp	xám
Vật liệu vỏ	PA
nhà màu	màu đen
Vật liệu của phốt	NBR
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Hợp kim đồng mạ vàng